

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn			Ngoại ngữ		Thể dục			GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	M	1T	1T	15'	1T	M	15'	1T	15'					
1	Nguyễn Dương Đình	Bảo		3.3	4	3.8	5.8	9		5	4.5	5	4.3	Đ	Đ			Y			50	T
2	Võ Phạm Hoàng	Bảo		4	5.3	4	6.5	9		6	6.5	6	5.8	Đ	Đ	Đ		TB			50	T
3	Ngô Xuân	Bôn		5.3	3.5	3.5	4	9		5	4.5	8	4.8	Đ	Đ	Đ		TB			49.5	T
4	Nguyễn Đạt Minh	Chiến		0	0	0	0	9		0				Đ	Đ	Đ					50	T
5	Lý Minh	Cường		3.8	3	7.5	7.5	9		5	6	5	5.8	Đ	Đ	Đ		Y			49	T
6	Huỳnh Thị Phương	Dung	X	4.3	6.3	6	7	9		6	5	8	5.5	Đ	Đ	Đ		TB	0	1	48	T
7	Tăng Văn	Dũng		0	0	0	0	9		0			0	Đ	Đ	Đ					50	T
8	Nguyễn Thị Anh	Đào	X	3.5	6.5	4	6.8	9		6	6	6	4.8	Đ	Đ			TB			50	T
9	Phạm Minh	Đoàn		5	4.5	4.3	8	9		6	6.3	5	3.3	Đ	Đ	Đ		TB			49.5	T
10	Nguyễn Thị	Hằng	X	2.8	5.5	3.5	6.3	9		5.5	2.8	8	6.5	Đ	Đ	Đ		Y			49	T
11	Trịnh Hồ Gia	Hân	X	3.8	4.8	3.5	5	9		6	5	6	6.3	Đ	Đ	Đ		TB			49.5	T
12	Trần Phước	Hậu		2.5	2.3	2.8	3.3	9		5.5	4	4	5.5	Đ	Đ	Đ		Y	1	0	44.5	K
13	Trịnh Thị Thanh	Hiền	X	3.8	5	2.5	7	9		6	4	7	5.3	Đ	Đ	Đ		Y			49.5	T
14	Phạm Ngọc	Huy		2.8	3.8	3	7.3	9		5	2.5	5	3.8	Đ	Đ	Đ		Y			48	T
15	Phạm Tiến Gia	Huy	X	4.5	5.8	3.3	6	9		6.5	5	3	5.8	Đ	Đ	Đ		Y			48.5	T
16	Trần Văn Đăng	Khoa		5.3	3	3.8	6.5	9		5	5.5	6	4.3	Đ	Đ	Đ		Y			49.5	T
17	Trần Minh	Khôi		3	3.3	3.3	4.5	9		5.5	5	7	4.8	Đ	Đ	Đ		Y			47.5	T
18	Vũ Nguyễn Trung	Kiên		5	4	4.8	6.8	9		6.5	3.5	6	6	Đ	Đ	Đ		TB			50	T
19	Nguyễn Trần Phương	Linh	X	7.3	5.3	7.5	8.8	9		5.5	7.8	10	8	Đ	Đ	Đ		K			50	T
20	Nguyễn Hoàng	Mỹ		5	5.5	7	6	9		6	4.5	10	8	Đ	Đ	Đ		TB			50	T
21	Lương Hồng	Ngọc	X	5	5.5	4	6.5	9		5.5	5	8	5.5	Đ	Đ	Đ		TB			50	T
22	Lê Hoài	Nhân		3.8	2.8	2.8	6	9		4	5.3	5	5	Đ	Đ	Đ		Y	1	0	50	T
23	Trần Nguyễn Hoàng	Nhu		4	4.3	3.5	6.3	9		4	3.5	7	5.8	Đ	Đ	Đ		Y			50	T
24	Dương Gia	Phát		3.8	6.3	4	5	9		6	4.5	9	7.3	Đ	Đ	Đ		TB	0	1	48	T
25	Phạm Nguyễn Hoàng	Phúc		2.5	3.3	2.8	5.3	9		5	6	5	6	Đ	Đ	Đ		Y			48.5	T
26	Tiêu Thị	Quyên	X	6.8	5	5.3	7.5	9		5	6.3	10	7.5	Đ	Đ	Đ		K			50	T
27	Phương Ngọc Nhã	Quỳnh	X																		50	T
28	Lê Huỳnh Kim	Thi	X	5.8	5.8	4.3	7.8	9		5.5	6.5	9	6.8	Đ	Đ	Đ		TB			49.5	T
29	Lê Hoàng	Thịnh		3.3	3.5	4.8	6	9		5	4.3	8	6.8	Đ	Đ	Đ		Y			49	T

30	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	X																	50	T	
31	Dương Thị Kim	Trang	X	4	5.5	4.5	6.5	9		6	6.3	8	6.3	Đ	Đ	Đ		TB		50	T	
32	Lê Thị Hoàng	Trang	X	3.3	5.8	6.3	7.3	9		6	5.8	8	7	Đ	Đ	Đ		Y		50	T	
33	Phạm Thị Thuý	Trang	X	5.8	6.5	5	8	9		7	7.3	8	7	Đ	Đ	Đ		K		50	T	
34	Châu Hồ Minh	Trung		6.8	6.5	5.8	5.3	9		4.5	7	6	5.8	Đ	Đ	Đ		TB		50	T	
35	Phan Minh Thanh	Tú	X	6.3	4.8	8	6.5	9		6.5	6	8	6.5	Đ	Đ	Đ		TB		50	T	
36	Văn Anh	Tú		5.5	5.5	3	3.3	9		6	4.5	7	5.8	Đ	Đ	Đ		Y		50	T	
37	Nguyễn Mộng	Tuyền	X																	50	T	
38	Phạm Thanh	Tuyền	X	4.3	4	4.5	7	9		5	5.5	9	6.8	Đ	Đ	Đ		TB		48.5	T	
39	Nguyễn Thị Thu	Vân	X	6.3	4.5	3.3	3.5	9		6	4.8	5	3.5	Đ	Đ	Đ		Y	0	1	47.5	T
40	Nguyễn Việt	Vân		5.3	4.3	4.5	6	9		5	6.5	8	4.5	Đ	Đ	Đ		TB		50	T	
41	Phạm Trần Thanh	Vi	X	5.8	4.5	6.5	5.8	9		6.5	6.8	5	2.3	Đ	Đ	Đ		Y		48.5	T	
42	Trần Thị Thanh	Vy	X	4	5.3	4.5	7.5	9		5.5	6.5	9	6.3	Đ	Đ	Đ		TB		49.5	T	
43	Hà Văn	Ý		6.8	7.5	5	5.5	9		5.5	6	10	8.5	Đ	Đ	Đ		K		50	T	
44	Nguyễn Tài	Hiếu		5	4.3	5.3	6	9		5	4.5	8	7	Đ	Đ	Đ		TB	1	0	50	T
45	Hứa Trung	Kiên		3.3	3.5	2.5	4.3	9		4	6	6	5.5	Đ	Đ	Đ		Y		50	T	
46	Trần Văn	Thành		3	5	5.8	5	9		4.5		6	7.5	Đ	Đ	Đ				50	T	
47	Hoàng Thị Thùy	Vân	X	6.5	5.5	5.8	6	9		6.5		4	5.5	Đ	Đ	Đ			1	0	50	T
48	Lưu Văn	Hoàng		2.5	5.3	3.3	7.5	9		7.8	5.8	4	5.8	Đ	Đ	Đ		Y		50	T	
49	Lê Thụy Thu	Hằng	X	3.3	4.3	4	6		8	6		8	4.3	Đ	Đ	Đ	9			49.5	T	
50	Âu Dương Thúy	Hồng	X	5.3	6.3	3.8	7.5		10	6.3		8	6.3	Đ	Đ	Đ	9			50	T	
51	Nguyễn Bảo	Hữu		2	3.8	6.8	5.3		7	5		7	3.3	Đ	Đ	Đ	7			49.5	T	
52	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	X	5.3	7.5	5.5	8		9	5		8	4.5	Đ	Đ	Đ	7		1	0	50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

